| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 2 - VĨNH LONG**<br>**TỈNH VĨNH LONG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 159/2026/DS-ST
Ngày: 06 - 8 - 2026
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Cao Minh Tân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phan Châu Ngọc.

2. Bà Nguyễn Thị Sương.

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh - Thư ký Tòa án.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Vĩnh Long tham gia phiên toà:*** Bà Bùi Thị Phương Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 208/2026/TLST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2026 về "*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 204/2026/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 672/2026/QĐST-DS ngày 13 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Gia L, sinh năm 1988 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã N, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn:

1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1969 (Vắng mặt).

2. Ông Châu Văn S, sinh năm 1967 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã N, tỉnh Vĩnh Long.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện ngày 03 tháng 4 năm 2026 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Gia L trình bày:*

Trước đây, vợ chồng bà Nguyễn Thị T, ông Châu Văn S làm đầu thảo hụi (chủ hụi), tổ chức mở nhiều dây hụi, loại hụi có lãi và hoa hồng cho nhiều người

cùng tham gia. Chị có tham gia 01 phần hụi tháng, 01 tháng khui 02 kỳ, số tiền góp hụi 500.000 đồng/phần/kỳ, hoa hồng hụi viên lĩnh hụi trả cho chủ hụi 200.000 đồng/kỳ, hụi mở ngày 30/5/2024 âm lịch (ngày 05/7/2024 dương lịch), gồm 38 phần, hụi mãn ngày 30/11/2025 âm lịch (ngày 18/01/2026 dương lịch do năm 2025 nhuần hai tháng 06 âm lịch), theo danh sách trong giấy góp hụi ghi tên chị tham gia thứ tự số 11. Dây hụi khui được 35 kỳ, tổng số tiền hụi gốc chị đã góp là 11.065.000 đồng, còn lại 03 kỳ chưa khui. Đến kỳ khui hụi tháng 10/2025 âm lịch (tháng 12/2025 dương lịch), bà T, ông S tuyên bố vỡ hụi, chấm dứt dây hụi và thỏa thuận trả lại tiền hụi gốc đã góp cho các hụi viên có phần hụi chưa khui. Bà T, ông S đồng ý trả lại cho chị số tiền hụi gốc đã góp 11.065.000 đồng. Hoàn toàn không có việc chị đồng ý cho bà T, ông S trả nợ, sau khi thu được tiền nợ hụi trong các vụ kiện khác đối với các hụi viên khác như bà T trình bày. Thực hiện nghĩa vụ, bà T trả cho chị được số tiền 1.000.000 đồng, chị đồng ý khấu trừ số tiền 1.500.000 đồng em gái chị nợ tiền hụi bà T, ông S. Sau đó, bà T, ông S không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Nay chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà T, ông S phải có nghĩa vụ liên đới trả lại cho chị số tiền hụi gốc 8.565.000 đồng. Ngoài ra, không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

*Tại biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải ngày 16 tháng 6 năm 2026, bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:*

Thống nhất lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của chị L. Khi tuyên bố vỡ hụi, vợ chồng bà có đến gặp chị L để thỏa thuận trả lại cho chị L số tiền hụi gốc 11.065.000 đồng. Sau khi trả 1.000.000 đồng và cấn trừ nợ của em gái chị L 1.500.000 đồng, còn lại 8.565.000 đồng. Hai bên thỏa thuận khi thu được nợ trong các vụ kiện khác đối với các hụi viên khác, vợ chồng bà sẽ trả nợ cho chị L.

*Trong quá trình giải quyết vụ án:*

Ông S đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng đều vắng mặt tại các phiên họp, không giao nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị L, ý kiến trình bày của bà T và không giao nộp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án.

*Tại phiên tòa sơ thẩm:*

Bà T, ông S đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không có lý do chính đáng vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Vĩnh Long phát biểu ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm hiện nay thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng chị L đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không có vi phạm, bà T, ông S không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào lời trình bày của các bên đương sự, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa đã được Kiểm sát viên nhận định, phân tích, cùng với điều luật viện dẫn đề nghị áp dụng như trong phát biểu. Đề nghị Tòa án giải quyết:

- Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L. Buộc bà T, ông S phải có nghĩa vụ liên đới trả cho chị L số tiền 8.565.000 đồng.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà T, ông S phải nộp án phí số tiền 428.250 đồng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định đây là tranh chấp hợp đồng góp hụi thuộc loại vụ án tranh chấp về hợp đồng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Vĩnh Long.

[3] Về thủ tục xét xử: Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông S theo thủ tục chung.

[4] Về nội dung:

[5] Xét việc thỏa thuận xác lập, thực hiện hợp đồng góp hụi tháng, loại hụi có lãi và hoa hồng giữa chủ hụi bà T, ông S với hụi viên chị L và các hụi viên khác như trên là đúng quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự; các điều 5, 6, 7, 8 và 12 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường.

[6] Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà T, ông S tuyên bố vỡ hụi, chấm dứt dây hụi, thoả thuận trả lại chị L số tiền hụi gốc 11.065.000 đồng, đã thanh toán được số tiền 2.500.000 đồng, vi phạm nghĩa vụ trả nợ số tiền 8.565.000 đồng. Ngoài lời trình bày của bà T về phương án trả số nợ còn lại cho chị L sau khi thu được nợ trong các vụ kiện khác đối với các hụi viên khác, không được chị L thừa nhận thì bà T, ông S không giao nộp được tài liệu, chứng cứ gì khác để chứng minh nên không có cơ sở xem xét. Căn cứ khoản 2 Điều 11, khoản 8 Điều 18, khoản 1 Điều 25 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường, Tòa án giải quyết bà T, ông S phải có nghĩa vụ liên đới trả lại cho chị L số tiền 8.565.000 đồng.

[7] Căn cứ vào Điều 357 Bộ luật Dân sự; áp dụng điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán

Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, Tòa án giải quyết: Kể từ ngày người được thi hành án chị L có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền 8.565.000 đồng thì người phải thi hành án bà T, ông S còn phải chịu lãi suất chậm trả tiền theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời hạn chậm trả.

[8] Từ những phân tích và điều luật viện dẫn áp dụng, Tòa án chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L giải quyết theo hướng đã nhận định như trên.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Toà án, Tòa án giải quyết buộc bà T, ông S phải nộp án phí số tiền 428.250 đồng; hoàn trả cho chị L được nhận lại số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 357, Điều 471 Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Toà án.

- Áp dụng các điều 5, 6, 7, 8, khoản 2 Điều 11, Điều 12, khoản 8 Điều 18, khoản 1 Điều 25 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường

- Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

**1.** Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Gia L.

1.1. Buộc bà Nguyễn Thị T và ông Châu Văn S có nghĩa vụ trả cho chị Huỳnh Thị Gia L số tiền 8.565.000 (Tám triệu năm trăm sáu mươi lăm nghìn) đồng.

1.2. Kể từ ngày người được thi hành án chị Huỳnh Thị Gia L có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền 8.565.000 (Tám triệu năm trăm sáu mươi lăm nghìn) đồng thì người phải thi hành án bà Nguyễn Thị T và ông Châu Văn S còn phải chịu lãi suất chậm trả tiền theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều

468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời hạn chậm trả.

**2.** Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Buộc bà Nguyễn Thị T và ông Châu Văn S phải nộp án phí số tiền 428.250 (Bốn trăm hai mươi tám nghìn hai trăm năm mươi) đồng.

2.2. Hoàn trả cho chị Huỳnh Thị Gia L được nhận lại số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006950 ngày 14 tháng 4 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

**3.** Vụ án được xét xử công khai. Có mặt chị Huỳnh Thị Gia L; vắng mặt bà Nguyễn Thị T, ông Châu Văn S. Báo cho chị L biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để Tòa án cấp trên xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Riêng bà T, ông S vắng mặt thì thời hạn kháng cáo nêu trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết

**4.** Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 8, 36, 71 và 72 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

*(Đã ký)*

**Cao Minh Tân**

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- VKSND khu vực 2 - Vĩnh Long: 02;
- THADS khu vực 2 - Vĩnh Long: 01;
- NĐ + BĐ: 03;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01;
- Lưu án văn: 06.